

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
DỊCH VỤ HỘI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2011.	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2011.	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011.	13 -32

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Du lịch Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070234 ngày 01 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 5 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, bổ sung các Chi nhánh, thay đổi mã số thuế và thay đổi Tổng Giám đốc của Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sửa đổi lần thứ 5 số 4000102418 ngày 06 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sửa đổi lần thứ 05 (ngày 06 tháng 4 năm 2011) là: 80.000.000.000 đồng.

Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Phần vốn Nhà nước (Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam)	45.202.380.000	56,5 %
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hậu cần VTS	3.648.350.000	4,5 %
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phòng	3.600.000.000	4,5 %
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	4.000.000.000	5 %
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	2.400.000.000	3 %
Các cổ đông khác	21.149.270.000	26,5 %
Cộng	80.000.000.000	100 %

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 10, Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại : (84) 0510.3.861.373 - 3.861.445 - 3.861.362
Fax : (84) 0510.3.861.636
Mã số thuế : 4 0 0 0 1 0 2 4 1 8

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khách sạn Hội An	Số 10 Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khu du lịch biển Hội An	Số 01 Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Trung tâm Lễ hành Hội An	Số 10 Trần Hưng Đạo TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Xí nghiệp giặt Hội An	Số 99A Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An (tỉnh Quảng Nam)	149 Đề Thám - Quận I - TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An	Tầng 5, số 559 Kim Mã - Quận Ba Đình - TP. Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề Kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển.
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.
- Vận tải khách bằng ô tô, vận tải khách theo hợp đồng.
- Vận tải ven biển bằng ca nô.
- Vận tải đường sông bằng phương tiện cơ giới.
- Dịch vụ bán vé máy bay.
- Kinh doanh ngoại hối.
- Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình.
- Kinh doanh tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu.
- Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ internet.
- Dịch vụ giặt là.
- Mua bán hàng mỹ nghệ./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Hùng	Chủ tịch	21 tháng 02 năm 2009	27 tháng 02 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Ban	Chủ tịch	27 tháng 02 năm 2011	
Ông Lê Tiến Dũng	Ủy viên	27 tháng 9 năm 2006	
Ông Phạm Hồng Quân	Ủy viên	21 tháng 02 năm 2009	
Ông Vũ Hiền	Ủy viên	27 tháng 9 năm 2006	
Ông Hồ Thái Ba	Ủy viên	27 tháng 9 năm 2006	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Minh Ánh	Trưởng ban	27 tháng 9 năm 2006	
Ông Nguyễn Văn Cư	Ủy viên	27 tháng 9 năm 2006	
Bà Trần Thị Phương Loan	Ủy viên	21 tháng 02 năm 2009	28 tháng 02 năm 2010
Bà Phạm Hồng Hoa	Ủy Viên	28 tháng 02 năm 2010	

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Tiến Dũng	Tổng giám đốc	15 tháng 4 năm 2009
Ông Huỳnh Văn Ty	Phó Tổng giám đốc	01 tháng 12 năm 2006

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

Ngày 15 tháng 02 năm 2012

001
HÀNH
GT
EMH
VÀ T
AI
HỘI
-TP



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số:19/2012/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Viêt

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.223.951.971	49.520.789.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.810.923.099	8.407.489.515
1. Tiền	111		8.704.756.432	8.407.489.515
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.106.166.667	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	16.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.000.000.000	16.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.706.186.085	23.670.494.672
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	8.859.909.361	8.894.344.249
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.876.609.292	1.824.082.684
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.045.857.412	13.061.369.090
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(76.189.980)	(109.301.351)
IV. Hàng tồn kho	140		1.347.001.195	1.014.275.564
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.347.001.195	1.014.275.564
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		359.841.592	428.529.378
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	359.841.592	372.329.378
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	56.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		101.054.430.150	76.712.302.235
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		91.155.024.769	71.351.146.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	75.466.531.143	60.446.818.755
Nguyên giá	222		146.659.701.924	126.890.564.832
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.193.170.781)	(66.443.746.077)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.722.739.883	556.296.234
Nguyên giá	228		6.750.190.728	1.176.010.728
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.027.450.845)	(619.714.494)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	9.965.753.743	10.348.031.321
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.899.405.381	5.361.155.925
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	9.174.697.824	4.638.285.790
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	724.707.557	722.870.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		148.278.382.121	126.233.091.364

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		29.899.272.880	12.894.360.290
I. Nợ ngắn hạn	310		29.685.989.061	12.730.281.849
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.14	6.997.252.788	1.993.513.640
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	1.535.253.456	608.994.787
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	12.484.531.604	4.332.025.379
5. Phải trả người lao động	315		7.045.358.696	2.781.936.505
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	320.333.098	2.288.684.730
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	1.303.259.419	725.126.808
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		213.283.819	164.078.441
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	74.000.000	72.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.20	139.283.819	92.078.441
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.379.109.241	113.338.731.074
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	118.379.109.241	113.338.731.074
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(630.000)	(630.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.769.173.137	5.634.379.244
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.720.084.598	6.293.125.819
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.890.481.506	21.411.856.011
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		148.278.382.121	126.233.091.364

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

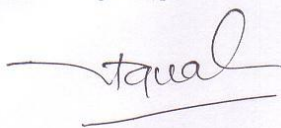
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		45.245,53	121.422,03
Euro (EUR)		995,00	120,00
Dollar Singapore (SGD)		-	100,00
Yên Nhật (¥)		1.000,00	16.000
Dollar Úc (AUD)		2.180,00	-
Bảng Anh (£)		195,00	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

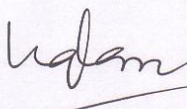
Lập ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

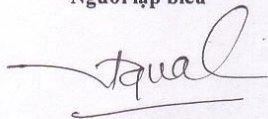
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

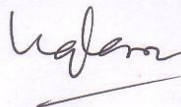
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	132.359.663.563	108.901.720.993
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		603.365.983	417.709.917
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.756.297.580	108.484.011.076
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	88.864.304.886	67.629.982.046
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.891.992.694	40.854.029.030
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.289.997.431	3.219.249.247
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	82.534.595	300.962.054
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	204.176.666
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.431.015.291	3.953.001.952
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.765.427.559	4.856.638.287
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.903.012.680	34.962.675.984
11. Thu nhập khác	31	VI.7	574.463.484	1.852.489.804
12. Chi phí khác	32	VI.8	344.277.015	1.459.971.323
13. Lợi nhuận khác	40		230.186.469	392.518.481
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.133.199.149	35.355.194.465
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		8.014.607.709	6.166.483.011
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>28.118.591.440</u>	<u>29.188.711.454</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>3.515</u>	<u>3.649</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.133.199.149	35.355.194.465
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.957.606.616	7.367.838.284
- Các khoản dự phòng	03	(3.500.871)	79.690.851
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	9.993.813	46.676.261
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.235.298.024)	(2.350.709.518)
- Chi phí lãi vay	06	-	204.176.666
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	42.862.000.683	40.702.867.009
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	12.024.009.458	(2.186.161.732)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(332.725.631)	915.629.151
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	16.423.569.291	(2.994.508.106)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.523.924.248)	(3.622.188.145)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(204.176.666)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.014.607.709)	(8.129.313.443)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(7.492.217.853)	20.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	2.711.089.082	(2.399.629.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.657.193.073	22.102.518.550
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(29.762.741.068)	(20.013.170.254)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	287.190.907	218.682.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.000.000.000	16.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.949.363.110	2.213.948.473
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.526.187.051)	(15.580.539.054)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	16.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(16.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.717.578.625)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.717.578.625)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	21.413.427.397	(5.478.020.504)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	8.407.489.515	13.934.107.799
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.993.813)	(48.597.780)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	29.810.923.099	8.407.489.515

Lập ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Quanh

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, khách sạn
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
 - Dịch vụ ăn uống.
 - Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.
 - Dịch vụ bán vé máy bay.
 - Dịch vụ giặt là.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 483 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 403 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (50 năm).

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 lần.

8. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

9. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

11. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 :	18.932	VND/USD
	24.884,22	VND/EUR
	225,57	VND/JPY
	14.351,12	VND/SGD
31/12/2011 :	20.828	VND/USD
	27.044,41	VND/EUR
	266,76	VND/JPY
	20.646,50	VND/AUD
	32.276,80	VND/GBP

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	844.396.516	841.508.117
Tiền gửi ngân hàng	7.672.531.262	7.415.406.317
Tiền đang chuyển	187.828.654	150.575.081
Các khoản tương đương tiền	21.106.166.667	-
Cộng	29.810.923.099	8.407.489.515

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty	1.050.051.921	1.879.662.421
Phải thu khách hàng của Khách sạn Hội An	4.047.902.502	3.578.614.337
Phải thu khách hàng của Trung Tâm Lữ hành	2.554.735.120	1.908.757.326
Phải thu khách hàng của Khu du lịch biển	771.760.348	1.157.442.480
Phải thu khách hàng của Xí nghiệp Giặt	435.459.470	369.867.685
Cộng	8.859.909.361	8.894.344.249

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cửa Sỏ Nhựa Châu Âu Tại Đà Nẵng	84.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tại Hà Nội	82.500.000	60.500.000
Công ty TNHH 1 Thành viên Cresoi Montes Vich Châu Á	-	139.425.000
Công Ty Cổ phần phần mềm Bravo	266.000.000	-
Công Ty TNHH Tư Vấn Kiến trúc Xây dựng Việt Sơn Hà	-	1.347.090.000
DNTN Trường Tài	-	101.076.000
Công Ty TNHH Thương mại Châu Âu	645.107.227	-
Công ty TNHH TM DV Long Đại Phát	122.500.000	-
Công ty CP Kỹ Thuật Biển S.TECH	71.000.000	-
Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Hoa Gió	51.000.000	-
Công ty TNHH P.SUPPLY	96.730.585	-
Công ty TNHH TV-TK-XD & TM Quốc Phú	55.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phước Vũ	65.000.000	-
Melia Ha Noi	125.400.000	-
Novotel Hạ Long Bay	101.575.280	-
Đối tượng khác	110.796.200	175.991.684
Cộng	1.876.609.292	1.824.082.684

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cổ tức năm 2010	-	12.000.000.000
Phòng vé máy bay	350.583.063	548.308.882
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	674.945.333	483.045.333
Phải thu tiền BHXH	20.329.016	25.027.507
Các khoản phải thu khác	-	4.987.368
Cộng	1.045.857.412	13.061.369.090

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	-	(109.301.351)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(79.690.851)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	(29.610.500)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(76.189.980)	-
Cộng	(76.189.980)	(109.301.351)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(109.301.351)	29.610.500
Trích lập dự phòng bổ sung	(38.094.990)	79.690.851
Hoàn nhập dự phòng	71.206.361	-
Số cuối năm	(76.189.980)	109.301.351

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	332.280.791	258.981.751
Công cụ, dụng cụ	649.887.144	376.809.968
Hàng hóa	364.833.260	378.483.845
Cộng	1.347.001.195	1.014.275.564

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	231.593.601	327.757.935
Chi phí bảo hiểm	73.955.213	27.165.890
Các khoản chi phí thuê ngoài	54.292.778	17.405.553
Cộng	359.841.592	372.329.378

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	84.420.772.615	22.784.764.652	18.668.406.518	1.016.621.047	126.890.564.832
Tăng trong năm	18.691.744.676	3.195.166.822	822.770.473	1.861.156.675	24.570.838.646
Tăng do mua sắm mới	874.680.374	1.085.189.542	822.770.473	378.792.147	3.161.432.536
Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành	17.817.064.302	2.109.977.280	-	1.482.364.528	21.409.406.110
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(922.992.236)	(2.449.216.101)	(1.429.493.217)	-	(4.801.701.554)
Số cuối năm	102.189.525.055	23.530.715.373	18.061.683.774	2.877.777.722	146.659.701.924
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	44.186.222.400	12.785.538.234	8.920.927.140	551.058.303	66.443.746.077
Tăng do trích khấu hao	4.965.392.602	2.589.030.191	1.574.178.284	421.269.188	9.549.870.265
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(922.992.236)	(2.447.960.108)	(1.429.493.217)	-	(4.800.445.561)
Số cuối năm	48.228.622.766	12.926.608.317	9.065.612.207	972.327.491	71.193.170.781
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	40.234.550.215	9.999.226.418	9.747.479.378	465.562.744	60.446.818.755
Số cuối năm	53.960.902.289	10.604.107.056	8.996.071.567	1.905.450.231	75.466.531.143

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.176.010.728	-	1.176.010.728
Tăng trong năm	-	5.574.180.000	5.574.180.000
Số cuối năm	1.176.010.728	5.574.180.000	6.750.190.728
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	619.714.494	-	619.714.494
Tăng do trích khấu hao	347.547.284	60.189.067	407.736.351
Số cuối năm	967.261.778	60.189.067	1.027.450.845
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	556.296.234	-	556.296.234
Số cuối năm	208.748.950	5.513.990.933	5.722.739.883

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công trình cải tạo các hạng mục tại Nhà hàng Hội An	-	4.484.685.310	4.449.024.310	35.661.000	-
Công trình cải tạo các hạng mục tại Khách sạn Hội An	3.203.709.127	17.708.795.059	16.650.108.694	4.258.759.128	3.636.364
Khu sinh thái Biển	6.979.727.758	-	-	-	6.979.727.758
Xây dựng hệ thống IPTV	160.958.072	2.789.143.094	-	-	2.950.101.166
Cải tạo hạng mục Cù Lao Chàm	-	274.008.746	173.801.436	100.207.310	-
Công trình cải tạo các hạng mục ở Khu Du lịch Biển	3.636.364	1.576.935.822	-	1.580.572.186	-
Công trình Xưởng giặt là	-	136.471.670	136.471.670	-	-
Công trình mới	-	32.288.455	-	-	32.288.455
Cộng	10.348.031.321	27.002.328.156	21.409.406.110	5.975.199.624	9.965.753.743

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	984.003.755	3.006.787.040	1.161.769.434	2.829.021.361
Chi phí thuê nhà, mặt bằng Quảng cáo	99.297.334	-	60.297.334	39.000.000
Chi phí bảo hiểm tài sản	32.023.030	11.668.728	38.280.941	5.410.817
Chi phí sửa chữa khách sạn	3.316.711.671	3.439.370.119	1.396.976.985	5.359.104.805
Chi phí đào tạo nhân viên	206.250.000	100.741.255	206.250.000	100.741.255
Chi phí tiếp thị quảng cáo	-	513.457.500	55.511.355	457.946.145
Chi phí bảo trì phần mềm	-	541.409.808	173.330.117	368.079.691
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	-	20.700.000	5.306.250	15.393.750
Cộng	4.638.285.790	7.634.134.450	3.097.722.416	9.174.697.824

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam theo thông tư 03/2002/TT-NHNN về quản lý tiền ký quỹ của các doanh nghiệp lưu hành	284.707.557	277.870.135
Ký quỹ tại sở kế hoạch đầu tư để đảm bảo thực hiện đầu tư Khu du lịch sinh thái biển Hội An	435.000.000	435.000.000
Ký quỹ tại hãng Taxi Mai Linh	-	10.000.000
Ký quỹ tại hãng Taxi Vina Sun	5.000.000	-
Cộng	724.707.557	722.870.135

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp cho Văn Phòng Công ty	4.821.633.730	1.015.498.007
Nhà cung cấp cho Khách sạn Hội An	1.760.550.096	793.518.735
Nhà cung cấp cho Khu du lịch Biển Hội An	279.608.027	122.066.510
Nhà cung cấp cho Trung tâm Lễ hành	117.817.460	44.523.200
Nhà cung cấp cho Xí nghiệp Giặt	17.643.475	17.907.188
Cộng	6.997.252.788	1.993.513.640

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng của Văn phòng Công ty	76.789.450	84.597.022
Khách hàng của Khách sạn Hội An	508.551.767	111.091.981
Khách hàng của Khu du lịch Biển Hội An	449.576.344	319.641.153
Khách hàng của Trung tâm Lễ Hành	500.335.895	93.664.631
Cộng	1.535.253.456	608.994.787

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	472.840.179	7.317.652.567	7.181.279.687	609.213.059
Thuế tiêu thụ đặc biệt	57.775.778	603.365.983	613.929.958	47.211.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.523.166.669	8.014.607.709	7.295.625.144	4.242.149.234
Thuế thu nhập cá nhân	72.658.303	669.086.665	617.695.210	124.049.758
Tiền thuê đất	205.184.450	3.954.844.316	2.272.701.016	1.887.327.750
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	400.000	5.583.180.000	9.000.000	5.574.580.000
Cộng	4.332.025.379	26.142.737.240	17.990.231.015	12.484.531.604

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh dịch vụ Spa với thuế suất 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bao gồm:

	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ phí phục vụ	1.430.675.677
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	6.583.932.032
Cộng	8.014.607.709

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi, tuy nhiên thời gian hoạt động của năm đầu tiên là 03 tháng nên Công ty chọn thời gian miễn thuế bắt đầu từ năm 2007. Năm tài chính 2010 là năm cuối Công ty được miễn, giảm thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.133.199.149	35.355.194.465
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	846.293.069	802.877.102
- Các khoản điều chỉnh tăng	846.293.069	802.877.102
- <i>Thù lao hội đồng quản trị</i>	717.755.844	728.308.114
- <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	46.676.261
- <i>Các khoản hỗ trợ, đóng góp, xử lý công nợ không có chứng từ</i>	128.537.225	27.892.727
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	36.979.492.218	36.158.071.567
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.244.873.056	9.039.517.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(3.484.941.032)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	9.244.873.056	5.554.576.861
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(1.230.265.347)	611.906.150
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.014.607.709	6.166.483.011

Tiền thuế đất, thuế nhà đất

Công ty phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	125.781.139	123.689.158
Bảo hiểm xã hội	4.644.348	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.104.604	91.315.292
Công ty Cổ phần Zen	-	98.919.135
Phí phục vụ	-	1.736.056.279
Thù lao Hội đồng Quản trị	45.272.223	138.810.222
Phải trả phải nộp khác	54.530.784	99.894.644
Cộng	<u>320.333.098</u>	<u>2.288.684.730</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	132.660.155	4.718.985.792	4.022.840.749	828.805.198
Quỹ phúc lợi	592.466.653	640.438.168	758.450.600	474.454.221
Cộng	<u>725.126.808</u>	<u>5.359.423.960</u>	<u>4.781.291.349</u>	<u>1.303.259.419</u>

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	92.078.441	174.437.566
Số trích lập bổ sung	194.088.528	251.467.000
Số đã chi	(146.883.150)	(333.826.125)
Số cuối năm	<u>139.283.819</u>	<u>92.078.441</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	-	18.231.139.458	529.693.000	22.532.515.175	91.293.347.633
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	29.188.711.454	29.188.711.454
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	1.709.435.871	5.763.432.819	(9.695.135.323)	(2.222.266.633)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	17.179.230.966		(17.179.230.966)	-	-	-
Mua lại cổ phiếu lẻ	-	(630.000)	-	-	-	(630.000)
Tăng vốn từ cổ tức phải trả	12.820.769.034	-	-	-	(12.820.139.034)	630.000
Tăng quỹ ĐTPT từ thuế TNDN được giảm	-	-	2.873.034.881	-	(2.873.034.881)	-
Phí phục vụ	-	-	-	-	(4.921.061.380)	(4.921.061.380)
Số cuối năm trước	80.000.000.000	(630.000)	5.634.379.244	6.293.125.819	21.411.856.011	113.338.731.074
Số đầu năm nay	80.000.000.000	(630.000)	5.634.379.244	6.293.125.819	21.411.856.011	113.338.731.074
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	28.118.591.440	28.118.591.440
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	2.134.793.893	426.958.779	(7.921.176.632)	(5.359.423.960)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(17.718.789.313)	(17.718.789.313)
Số cuối năm nay	80.000.000.000	(630.000)	7.769.173.137	6.720.084.598	23.890.481.506	118.379.109.241

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay
Trả cổ tức năm trước	17.718.789.313
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	17.718.789.313

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	63	-
- Cổ phiếu phổ thông	63	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.937	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.937	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	132.359.663.563	108.901.720.993
<i>Doanh thu Dịch vụ khách sạn</i>	<i>73.962.594.477</i>	<i>62.230.295.511</i>
<i>Doanh thu Dịch vụ nhà hàng</i>	<i>33.642.693.152</i>	<i>26.765.507.487</i>
<i>Doanh thu Dịch vụ lữ hành du lịch</i>	<i>20.824.305.730</i>	<i>15.950.414.430</i>
<i>Doanh thu Dịch vụ Spa</i>	<i>1.761.850.692</i>	<i>1.533.729.170</i>
<i>Doanh thu Dịch vụ giặt là</i>	<i>1.507.352.140</i>	<i>1.883.471.070</i>
<i>Doanh thu dịch vụ khác</i>	<i>660.867.372</i>	<i>538.303.325</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(603.365.983)	(417.709.917)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(603.365.983)</i>	<i>(417.709.917)</i>
Doanh thu thuần	131.756.297.580	108.484.011.076

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn Dịch vụ khách sạn	45.510.370.142	31.013.641.612
Giá vốn Dịch vụ nhà hàng	18.024.126.559	18.183.274.642
Giá vốn Dịch vụ lữ hành du lịch	20.534.095.512	14.129.289.590
Giá vốn Dịch vụ Spa	60.538.988	6.758.534
Giá vốn Dịch vụ giặt là	4.553.457.365	4.191.173.814
Giá vốn dịch vụ khác	181.716.320	105.843.854
Cộng	88.864.304.886	67.629.982.046

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.949.363.110	2.213.948.473
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	132.505.569	793.202.690
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	208.128.752	212.098.084
Cộng	3.289.997.431	3.219.249.247

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	204.176.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.993.813	46.676.261
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	72.540.782	50.109.127
Cộng	82.534.595	300.962.054

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.253.182.720	1.249.347.590
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.255.595	125.848.603
Chi phí khấu hao TSCĐ	686.869	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	713.884.783	191.450.047
Chi phí bằng tiền khác	2.416.005.324	2.386.355.712
Cộng	4.431.015.291	3.953.001.952

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.992.423.332	2.222.651.189
Chi phí vật liệu quản lý	-	9.065.227
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.872.232	171.223.260
Chi phí khấu hao TSCĐ	315.549.534	330.516.310
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	58.133.359
Chi phí dự phòng	(3.500.871)	79.690.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	961.572.225	921.607.751
Chi phí bằng tiền khác	1.450.511.107	1.063.750.340
Cộng	5.765.427.559	4.856.638.287

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	289.090.909	218.682.727
Thanh lý các vật liệu hỏng	262.006.359	1.527.439.544
Xử lý công nợ	11.501.794	14.972.619
Tiền bán hồ sơ mời thầu	1.818.180	16.540.909
Phí chuyển nhượng cổ phần	-	46.063.184
Tiền chiết khấu, khuyến mại	6.144.433	10.817.000
Thu nhập khác	3.901.809	17.973.821
Cộng	574.463.484	1.852.489.804

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	1.255.993	81.921.682
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ thanh lý	15.731.745	1.310.646.325
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	5.807.307	23.001.352
Chi thường chiết khấu thương mại	-	31.121.173
Chi phí thanh lý tài sản cố định	3.718.182	-
Chi phí sửa chữa xe	142.960.500	-
Nộp phạt thuế	121.524.225	-
Chi phí khác	53.279.063	13.280.791
Cộng	344.277.015	1.459.971.323

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.118.591.440	29.188.711.454
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.118.591.440	29.188.711.454
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.999.937	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.515	3.649

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	63	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.999.937	8.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	935.798.000	840.000.000
Tiền thưởng	11.596.000	126.000.000
Cộng	947.394.000	966.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư IPA	Cổ đông góp vốn

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Đầu tư IPA như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuê văn phòng tại Hà Nội	-	52 681 860

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan đã thanh toán hết.

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.810.923.099	8.407.489.515	29.810.923.099	8.407.489.515
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.000.000.000	16.000.000.000	4.000.000.000	16.000.000.000
Phải thu khách hàng	8.783.719.381	8.785.042.898	8.783.719.381	8.785.042.898
Các khoản phải thu khác	1.045.857.412	13.061.369.090	1.045.857.412	13.061.369.090
Cộng	43.640.499.892	46.253.901.503	43.640.499.892	46.253.901.503
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	6.997.252.788	1.993.513.640	6.997.252.788	1.993.513.640
Các khoản phải trả khác	7.578.975.613	5.234.699.676	7.578.975.613	5.234.699.676
Cộng	14.576.228.401	7.228.213.316	14.576.228.401	7.228.213.316

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực A: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Lĩnh vực B: Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
- Lĩnh vực C: Kinh doanh dịch vụ giặt là và dịch vụ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nhà hàng, khách sạn	Lữ hành	Dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	108.952.112.627	21.300.019.317	1.504.165.636	-	131.756.297.580
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.351.436.405	861.257.958	3.183.821.428	(5.396.515.791)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.303.549.032	22.161.277.275	4.687.987.064	(5.396.515.791)	131.756.297.580
Chi phí bộ phận	62.452.417.114	19.612.700.684	16.995.629.938		99.060.747.736
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	47.851.131.918	2.548.576.591	(12.307.642.874)	(5.396.515.791)	32.695.549.844
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					32.695.549.844
Doanh thu hoạt động tài chính	76.786.264	12.303.849	3.200.907.318	-	3.289.997.431
Chi phí tài chính	71.783.902	1.433.431	9.317.262	-	82.534.595
Thu nhập khác	260.089.339	17.689.087	296.685.058	-	574.463.484
Chi phí khác	20.958.841	25.782.525	297.535.649	-	344.277.015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-		8.014.607.709	-	8.014.607.709
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.095.264.778	2.551.353.571	(17.131.511.118)	(5.396.515.791)	28.118.591.440
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	29.188.306.297	776.345.085	7.432.224.136	-	37.396.875.518
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.726.739.871	1.057.661.232	2.270.927.929	-	13.055.329.032

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nhà hàng, khách sạn	Lữ hành	Dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	12.217.512.387	2.596.310.807	126.464.558.927	-	141.278.382.121
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Tổng tài sản					148.278.382.121
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.367.411.695	1.207.478.469	20.021.123.297	-	28.596.013.461
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	1.303.259.419	-	1.303.259.419
Tổng nợ phải trả					29.899.272.880
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.007.529.595	3.112.444.235	99.549.416.490	(436.298.956)	110.233.091.364
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	16.000.000.000	-	16.000.000.000
Tổng tài sản					126.233.091.364
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.866.207.827	712.013.915	7.027.310.696	(436.298.956)	12.169.233.482
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	725.126.808	-	725.126.808
Tổng nợ phải trả					12.894.360.290

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

